●性騷擾的界定

[Định nghĩa quấy rối tình dục]

一切不受到歡迎，與性或性別有關的言行舉止，讓被行為者感到不舒服、不自在，覺得被冒犯，被侮辱；在嚴重的情況下會影響到被行為者就學或就業的機會或表現者。

[Tất cả những lời nói và hành động liên quan đến tình dục hoặc giới tính khiến người bị xâm phạm cảm thấy khó chịu, không thoải mái, bị xúc phạm và bị làm nhục; trong những trường hợp nghiêm trọng, sẽ ảnh hưởng đến cơ hội hoặc khả năng học tập hoặc làm việc của nạn nhân.]

●性平三法與跟騷法

[Ba luật bình đăng giới và luật chống rình rập]

性別平等教育法:(校園)保障受教權,行為雙方有一方必須是學生
Luật giáo dục bình đẳng giới tính: (trong nhàtrường) Để bảo vệ quyền được giáo dục, mộttrong các bên phải là học sinh

性別工作平等法:(工作場所)保障工作權
Luật bình đng giới trong công việc (nơi làmviệc) đảm bảo quyền làm việc

性騷擾防治法:(上述場域之外)從保障人身安全出發
Luật phòng chống quấy rối tình dục: (ngoàicác lĩnh vực nêu trên) bắt đầu từ việc bảo vệan toàn cá nhân

跟蹤騷擾防制法(111.6.1)保護個人身心安全行動自由、生活私密領域及資訊隱私,免於受到跟蹤騷擾行為侵擾,維護個人人格尊嚴
Đạo luật ngăn chặn rìn h rập (111.6.1)Bảo vệ sựan toàn về thể chất và tinh thần cá nhân, quyềntự do đi lại, các lĩnh vực riêng tư trong cuộcsống và quyền riêng tư thông tin, không bị theodõi và quấy rối, đồng thời duy trì phẩm giá cánhân

●立法精神與目的
[Tinh thần và mục đích pháp luật]

◆性別平等教育法 Luat binh dang gioi trong giao duc

第1條 為促進性別地位之實質平等,消除性別歧視,維護人格尊嚴,厚植並建立性別平等之教育資源與環境,特制定本法。

Điều 1 Đạo luật này được ban hành đặc biệt để thúc đẩy bình đăng thực chất về tìnhtrạng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, duy trì phẩm giá con người, đồng thờilàm phong phú và thiết lập các nguồn lực và môi trường giáo dục cho bình đăng giới.

◆性別工作平等法 Dao luat binh dang gioi trong cong viec

第1條 為保障性別工作權之平等,貫徹憲法消除性別歧視、促進性別地位實質平等之精神,爰制定本法。

Điều 1 Đạo luật này được ban hành nhằm bảo vệ sự bình đẳng về quyền làm việccủa các giới, thực hiện tinh thần của Hiến pháp về xóa bỏ phân biệt đối xử về giới vàthúc đẩy bình đẳng giới thực chất.

●立法精神與目的

[Tinh thần và mục đích pháp luật]

◆性騷擾防治法 Dao luat phong chong quay roi tinh duc

第1條 為防治性騷擾及保護被害人之權益,特制定本法。

Điều 1 Đạo luật này được ban hành đặc biệt để ngăn chặn quấy rối tìnhdục và bảo vệ quyền và lợi ích của nạn nhân.

◆跟蹤騷擾防制法 Dao luat ngan chan quay roi rinh rap

第1條 為保護個人身心安全、行動自由、生活私密領域及資訊隱私,免於受到跟蹤騷擾行為侵擾,維護個人人格尊嚴,特制定本法

Điều 1 Luật này được ban hành đặc biệt để bảo vệ sự an toàn về thể chấtvà tinh thần của cá nhân, quyền tự do đi lại, các lĩnh vực riêng tư trongcuộc sống và quyền riêng tư thông tin, khỏi bị quấy rối bởi hành vi rìnhrập và quấy rối, đồng thời để duy trì phẩm giá cá nhân.

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例1】[Vụ án 1]

曉華與玉婷是高中同班同學，曉華對玉婷頗有好感，為了表達愛意，每天都跟隨玉婷回家，想隨時保護玉婷，玉婷已經很多次告知曉華不要再尾隨他回家。

[Xiaohua và Yuting là bạn cùng lớp trường cấp 3. Xiaohua có cảm tình với Yuting, Để biểu đạt tình cảm, bạn ấy luôn đi theo Yuting về nhà mỗi ngày và muốn bảo vệ Yuting bất cứ lúc nào. Yuting đã nhiều lần nói với Xiaohua không được theo cô ấy về nhà nữa.]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例1】[Vụ án 1]

Q:如果你是被追求者，面對這種追求方式，你會接受嗎?

[H: Nếu bạn là một người bị theo đuổi, bạn sẽ chấp nhận phương thức theo đuổi này chứ?]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例2】[Vụ án 2]

小喬知道對方已經有要好的女朋友了，但還是對他朝思暮想，每天晚上一直打手機、傳mail表達愛意，對方覺得生活嚴重被騷擾了。

[Xiao Qiao biết rằng đối phương đã có bạn gái rồi, nhưng vẫn thương nhớ về anh ấy. Mỗi ngày cứ gọi điện và gửi mail để biểu đạt tình cảm của mình, khiến đối phương cảm thấy rằng cuộc sống đã bị quấy rối nghiêm trọng.]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例2】[Vụ án 2]

Q:如果你是被追求者，面對這種追求方式，你會接受嗎?

[H: Nếu bạn là một người bị theo đuổi, bạn sẽ chấp nhận phương thức theo đuổi này chứ?]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例3】[Vụ án 3]

一位大學生為追求愛慕已久的同學，使出苦肉計，將自己的牙齒連同情書寄給對方，表達「沒齒難忘」的愛意。

[Một sinh viên đại học vì nỗ lực theo đuổi người bạn cùng lớp mình thầm yêu đã lâu nên lập ra khổ nhục kế, đem răng của mình và thư tình gửi cho đối phương để bày tỏ tình yêu "ký ức khó quên".]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例3】[Vụ án 3]

Q:如果你是被追求者，面對這種追求方式，你會接受嗎?

[H: Nếu bạn là một người bị theo đuổi, bạn sẽ chấp nhận phương thức theo đuổi này chứ?]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例4】[Vụ án 4]

為了讓對方知道自己的心意，所以在心儀對象宿舍樓下，大聲叫喊我愛你。

[Vì để cho đối phương biết được tâm ý của mình, nên đến dưới lầu ký túc xá của đối phương, hét to tôi yêu bạn.]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例4】[Vụ án 4]

Q:如果你是被追求者，面對這種追求方式，你會接受嗎?

[H: Nếu bạn là một người bị theo đuổi, bạn sẽ chấp nhận phương thức theo đuổi này chứ?]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例5】[Vụ án 5]

太喜歡對方了，所以用手機、相機捕捉他每分每秒的動作，甚至跟隨他去廁所。

[Vì quá yêu thích đối phương, nên sử dụng điện thoại di động, máy ảnh để ghi lại hành động mỗi phút mỗi giây của người ấy và thậm chí đi theo vào nhà vệ sinh.]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【案例5】[Vụ án 5]

Q:如果你是被追求者，面對這種追求方式，你會接受嗎?

[H: Nếu bạn là một người bị theo đuổi, bạn sẽ chấp nhận phương thức theo đuổi này chứ?]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

【句子1】你人很好，但你不是我喜歡的類型。謝謝你欣賞我，我們可以做普通朋友。

[[Câu 1] Bạn rất tốt, nhưng bạn không phải là mẫu người tôi thích. Cảm ơn bạn đã thích tôi, chúng ta có thể làm bạn bình thường với nhau.]

【句子2】我現在不想談感情，謝謝你欣賞我，祝你找到好對象。

[[Câu 2] Hiện tại tôi không muốn nói về chuyện tình cảm, cảm ơn vì đã thích tôi và chúc bạn tìm được đối tượng tốt hơn.]

吳鳳科大性別平等教育委員會

~校園性侵害性騷擾、性霸凌防治教育

[Ủy ban Giáo dục về bình đẳng giới tính của Trường Đại học Khoa học Kĩ thuật Ngô Phụng~ Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]

Q:哪一個拒絕的方式，是適合你呢?歡迎自由造句，留言在回饋單喔，提供分享喔。

[H: Phương pháp từ chối nào phù hợp với bạn? Hoan nghênh bạn tự do đặt câu, để lại nhận xét trong mẫu phản hồi, cung cấp chia sẻ của bạn nhé.]

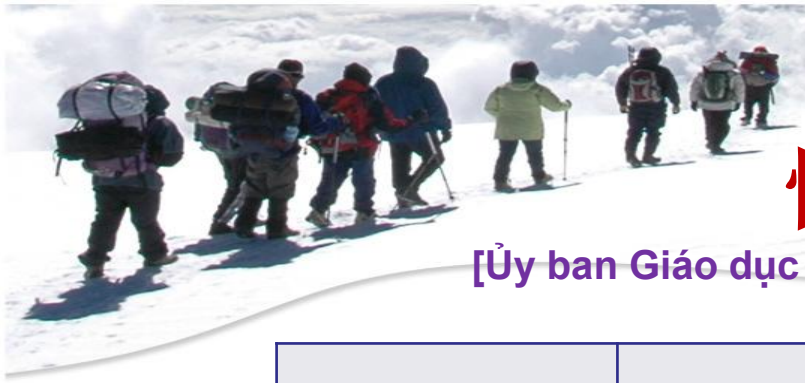

吳鳳科技大學
性別平等教育委員會
[Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới-Đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng]

上班時間 [Thời gian làm việc]	周一至周五 上午**8:00~12:00**、下午**13:30~17:30** **[sáng 8:00~12:00 chiều 13:30~17:30 mỗi thứ 2 đến thứ 6]**
辦公室位址 [Văn phòng]	本校生有樓1樓 SB109 [lầu 1 Văn hồng lầu phòngA105]
承辦老師 [Giáo viên phụ trách]	蕭麗娜
聯絡電話 [Điện thoại]	05-2267125分機(#)51512 05-2267125#51512
服務內容 [Nội dung phục vụ]	校園性侵害、性騷擾及性霸凌防治 [Phòng chống và giáo dục tấn công tình dục học đường, quấy rối tình dục, bạo hành tình dục]